

Bản án số: **28** /2016/HNGĐ- ST

Ngày: 22/9/2016.

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

* Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thu Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân thành phố Điện Biên Phủ:

1. Bà **Cao Thị Hồng Minh**

2. Bà **Phạm Thị Vui**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Quàng Thị Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2016 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2016/TLST-HNGĐ ngày 20/5/2016 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2016/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2016 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21 / 2016/QĐST- HNGĐ, ngày 06/9/2016. Giữa:

*) Nguyên đơn: Anh **Lò Văn T** - Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Bản B, xã T M, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB.

*) Bị đơn: Chị **Vàng Thủy T**- Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Bản B, xã T M, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB.

Hiện đang thi hành án phạt tù tại phân trại III – trại giam T X, huyện T O, thành phố HN

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

** Nguyên đơn anh Lò Văn T trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh T và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2011 tại UBND xã T M, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau được hơn 03 tháng thì chị T bị bắt giam về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Nay, chị T đang

đi thụ hình tại phân trại III, trại giam T X, HN với mức án tù chung thân. Anh Lò Văn T có đơn xin ly hôn với chị T với lý do anh không thể chờ đợi chị T được nữa, anh cần có một gia đình mới để vợ chồng cùng nhau chăm lo cho gia đình và phụng dưỡng cha mẹ già, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

- *Về con chung*: Anh T và chị T không có con chung.
- *Về tài sản và công nợ*: Không có.

****) Tạt bản tự khai ngày 19/7/2016, bị đơn chị Vàng Thủy T trình bày:***

- *Về hôn nhân*: Chị T và anh T kết hôn với nhau là tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có khúc mắc gì. Vợ chồng anh chị kết hôn với nhau được thời gian ngắn thì chị T bị cơ quan công an bắt, hiện đang đi thụ hình tại trại giam Thanh Xuân, Hà Nội. Nay anh T có đơn xin ly hôn, chị T không nhất trí ly hôn vì chị cho rằng chị đang bị các cơ quan pháp luật kết án oan sai, mặt khác chị bị cơ quan công an bắt giữ tại nhà anh T do vậy chị yêu cầu anh T phải có trách nhiệm với chị và chị yêu cầu được gặp anh T trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn này.

- *Về con chung*: Không có
- *Về tài sản và công nợ*: Không có

Sau khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử về việc ly hôn giữa anh Lò Văn T và chị Vàng Thủy T, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã gửi công văn kèm theo các thủ tục tố tụng trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật đến phân trại III, trại giam T X, thành phố HN, đề nghị Ban giám thị trại giam giao trực tiếp các văn bản tố tụng cho chị vàng Thủy T. Chị T đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và đã có ý kiến trả lời văn bản cho Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 25/8/2016, anh T có đơn xin hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm lần 1 với lý do công việc, nên anh không thể tham gia phiên tòa ngày 06/9/2016 được. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2016/QĐST - HNGĐ, ngày 06/9/2016 và ấn định phiên tòa tiếp theo vào ngày 22/9/2016.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét chị Vàng Thủy T đang chấp hành án tại phân trại III, trại giam T X, thành phố HN. Tuy nhiên, trước khi bị bắt, chị T xây dựng gia đình với anh T và về sinh sống tại nhà anh T ở địa chỉ: Bản B, xã T M, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB, có xác nhận của UBND xã T M, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB. Vì vậy, vụ án ly hôn này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân giữa Anh T và chị T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T M, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB. Sau khi kết hôn được 03 tháng thì chị T bị bắt giam về tội "*Mua bán trái pháp luật ma túy*" và bị xử phạt tù chung thân. Quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa anh T cho rằng vợ chồng tuy kết hôn là tự nguyện, nhưng cuộc sống chung mới chỉ được khoảng 03 tháng, đến nay anh không còn tình cảm vợ chồng với chị T nữa. Anh T muốn có người cùng anh xây dựng gia đình để cùng anh chăm sóc cha mẹ già, nhưng chị T không thể cùng anh tạo dựng một gia đình hạnh phúc được nữa vì chị phải đi cải tạo không có thời hạn. Do vậy, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh T, chị T đã thật sự tan vỡ, bởi sau khi kết hôn vợ chồng anh chị mới chung sống với nhau được khoảng 03 tháng thì đã phải xa nhau, thời gian bên nhau chưa đủ để anh chị xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững. Mặc dù, chị T không nhất trí ly hôn với anh T vì chị vẫn còn tình cảm với anh T, nhưng xét về hoàn cảnh của chị hiện nay thì vợ chồng anh chị không thể sống chung với nhau, nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T xin được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Tại bản tự khai ngày 19/7/2016 và đơn đề nghị ngày 06/9/2016 của chị Vàng Thủy T, chị yêu cầu được gặp anh T trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên anh T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ không tiến hành hòa giải cho đôi bên vợ chồng anh chị vì anh không còn tình cảm vợ chồng với chị T nữa. Xét đề nghị này của anh T là phù hợp với quy định của pháp luật về trường hợp không tiến hành hòa giải được, theo quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chị T kêu oan đối với bản án hình sự là không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét, bởi theo luật hôn nhân và gia đình Việt Nam thì Tòa án giải quyết việc ly hôn, chỉ xem xét đến tình trạng và mục đích của hôn của vợ chồng, nên quan điểm này của chị T không có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Anh T, chị T không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh Lò Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh 10/2009 của UBTV Quốc hội 12 về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam;

- Điều 28, 35, 39; Khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh 10/2009 của UBTV Quốc hội 12 về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn mỗi quan hệ vợ chồng giữa anh Lò Văn T và chị Vàng Thủy T.

2. Về quan hệ con chung: Không có.

3. Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Không có.

4. Về án phí: Anh Lò Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tại biên lai số AA/2016/0000925, ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn anh Lò Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/9/2016).

Bị đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cơ quan Thi hành án TPĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hằng

